

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 113/2020/HNGĐ – ST

Ngày 11/9/2020.

V/v: *Xin ly hôn*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2020/QĐXX – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Kiên T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 318 Tổ 40 T, phường P, Quận Đ, Tp. Hà Nội – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:**

Tôi và anh Dương Kiên T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/7/2019.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không

hợp nhau. Không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên vọng của tôi là xin được ly hôn với anh Dương Kiên T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Theo bản tự khai ngày 31/7/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Kiên T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Bích C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/7/2019.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan điểm sống chưa hợp nhau, mặc dù tôi đã cố gắng khắc phục những khuyết điểm để hai vợ chồng sống hòa hợp. Do đó tôi đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Dương Kiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh Dương Kiên T tại phiên Tòa: Anh Dương Kiên T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm anh Dương Kiên T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh Dương Kiên T.

[3]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Dương Kiên T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/7/2019 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa nguyên đơn chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị

được ly hôn với anh T. Theo bản tự khai ngày 10/8/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt anh T đồng ý ly hôn với chị C đồng thời theo đơn thuận tình ly hôn anh T và chị C đều thống nhất thuận tình ly hôn, tuy nhiên do điều kiện ở xa không thể tham gia các buổi làm việc với Tòa án nên không thể hoàn tất các thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, giữa chị C và anh T đều đồng ý và yêu cầu Tòa án cho giải quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích C đối với anh Dương Kiên T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích C. Cho chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Dương Kiên T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị Bích C đã nộp theo biên lai số AA/2019/0005480 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl